

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-02-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Linh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thuý Trang – Kiểm Sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị Mỹ N; Sinh năm: 1993; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Liêu Minh Đ; sinh năm: 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường L, Khóm D, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 07 tháng 11 năm 2022, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Mỹ N và ông Liêu Minh Đ chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2017; đăng ký ngày 06/11/2017. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống ở bên gia đình bà N tại Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng nhưng không có nhiều hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ngày 04/3/2021, ông Đ bỏ

nhà đi mà không có nói với bà N cho đến nay. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cho đến nay, bà N không có gửi đơn yêu cầu địa phương hoà giải cũng như không có gửi đơn yêu cầu Toà án nào giải quyết ly hôn cho ông bà. Nay bà N, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà N trình bày ông bà có 01 người con chung tên: Liêu Khánh T, nam, sinh ngày 06/3/2018. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Theo bà N, hiện nay bà đang làm công nhân ở Phường 7, thành phố Sóc Trăng, bà làm việc theo giờ hành chính, thu nhập ổn định mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Từ nhỏ đến lớn, cháu Liêu Khánh T đều sống cùng với bà và gia đình bà ngoại tại Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng, từ khi bà và ông Đ sống ly thân cho đến nay, bà là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của cháu đang ổn định, được đi học đầy đủ. Do đó, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hoà giải ngày 29/12/2022, bị đơn ông Liêu Minh Đ trình bày:

Ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian chung sống và thời gian đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng 02-03 tháng nay thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Do ông Đ phải đi làm ở Đồng Nai còn vợ và con thì ở nhà cha mẹ vợ. Hàng tháng ông Đ đều có gửi tiền về phụ vợ nuôi con. Nay ông Liêu Minh Đ nhận thấy ông còn thương vợ con, nên mong muốn được hàn gắn với bà N do đó, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên: Liêu Khánh T, nam, sinh ngày 06/3/2018. Ông Đ không đồng ý ly hôn, trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Toà án giao con cho bà N nuôi dưỡng thì hàng tháng ông Đ sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Theo ông Đ trình bày, hiện ông đang làm tài xế xe tải ở Đồng Nai, thu nhập mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Do đó, xét về kinh tế thì ông có điều kiện chăm sóc con tốt hơn bà N. Ông Đ thừa nhận từ nhỏ đến nay, cháu T đều sống ở bên nhà bà Ngoại, từ khi ông Đ làm xa, con do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng mỗi tháng ông đều có về thăm con và đưa tiền cho bà N nuôi con. Trường hợp Toà án giao con cho ông nuôi dưỡng thì ông sẽ nghỉ việc ở Đồng Nai và về Sóc Trăng làm việc, con thì có ông, bà nội phụ giúp ông nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Liêu Minh Đ trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên Tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể, về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Liêu Khánh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Những yêu cầu khởi kiện khác bà N không thay đổi.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các điều 68; 70; 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn ông Liêu Minh Đ không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ N khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Liêu Minh Đ; địa chỉ đường L, Khóm D, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Liêu Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Cũng tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về cấp dưỡng nuôi con chung, bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Liêu Khánh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Mỹ N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lý Thị Mỹ N và ông Liêu Minh Đ chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 11 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện theo Giấy chứng nhận kết hôn số 155/2017, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp. Tại thời điểm kết hôn bà N và ông Đ đủ điều kiện kết hôn và thực hiện việc đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà được pháp luật công nhận.

Sau khi kết hôn, bà N và ông Đ có thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà N và ông Đ đều cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà trở về đoàn tụ nhưng bà N vẫn cương quyết xin ly hôn, ông Đ xin đoàn tụ. Theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do đó, bà Lý Thị Mỹ N yêu cầu được ly hôn với ông Liêu Minh Đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà N và ông Đ xác định ông bà có 01 người con chung tên Liêu Khánh T, nam, sinh ngày 06/3/2018. Sau khi ly hôn, bà Lý Thị Mỹ N và ông Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù ông Đ và bà N đều đi làm, có thu nhập ổn định, có điều kiện để chăm sóc cháu T. Tuy nhiên, do ông Đ làm nghề tài xế, nên thời gian không cố định, còn bà N làm công nhân chỉ làm việc theo giờ hành chính nên có nhiều thời gian chăm sóc, nuôi dạy con hơn. Mặt khác, từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu T do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, cháu được đi học đầy đủ và được chăm sóc tốt.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Căn cứ quy định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Liêu Khánh T cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Do đó, ông Liêu Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” và tại buổi hoà giải ngày 07/12/2022 và ngày 29/12/2022 ông Đ cũng tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, buộc ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu Liêu Khánh T số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/02/2023.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Mỹ N và ông Liêu Minh Đ tự khai là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Bị đơn ông Liêu Minh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Mỹ N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Thị Mỹ N và ông Liêu Minh Đ.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Liêu Khánh T, nam, sinh ngày 06/3/2018 cho bà Lý Thị Mỹ N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc ông Liêu Minh Đ, hàng tháng đóng góp nuôi con chung với bà Lý Thị Mỹ N số tiền là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 22/02/2023.

Ông Liêu Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Mỹ N và ông Liêu Minh Đ tự khai không có, không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Lý Thị Mỹ N phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000843, ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lý Thị Mỹ N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Ông Liêu Minh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND xã Tài Văn, h. Trần Đề;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kim Hằng